

Số: /2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 142/2018/NĐ-CP và Nghị định số 94/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 291/TTr-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2022 - 2025;

b) Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các chương trình, kế hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì tiếp tục được hưởng các chính sách hỗ trợ đã được phê duyệt cho các hạng mục còn lại, cho thời gian còn lại của dự án.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 13 tháng 8 năm 2026./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026 - 2030**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hiệp hội Du lịch tỉnh, Hội Chè tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường; thôn (xóm), tổ dân phố; doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi tắt là tổ chức); hộ gia đình, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Các chính sách tại Nghị quyết này không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đang trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản, giải thể; tạm ngừng hoạt động; mất khả năng thanh toán hoặc đang bị cơ quan chức năng điều tra, truy tố, xét xử.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng; hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích phát triển du lịch xanh, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái; ưu tiên các phương án, dự án có tính khả thi cao, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân và phát huy giá trị văn hóa địa phương. Đồng thời, ưu tiên các đối tượng chưa được hưởng hoặc được hưởng ít hơn từ các chính sách hỗ trợ có cùng mục tiêu.

3. Tổng dư nợ các dự án vay vốn của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên không vượt mức cho vay tối đa theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

4. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện đầu tư nhiều nội dung khác nhau thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đủ điều kiện.

5. Trong thời gian triển khai chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này, cùng một nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau của Trung ương và

địa phương (kể cả các chương trình, đề án, dự án khác) thì đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh; lồng ghép nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, kế hoạch theo phân cấp hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Chính sách hỗ trợ vay vốn

1. Chính sách hỗ trợ vay vốn phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng

a) Đối tượng được hỗ trợ vay vốn: Người lao động là thành viên trong hộ gia đình có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Nội dung vay vốn: Đầu tư làm mới hoặc cải tạo mở rộng nhà truyền thống, nhà để kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch (homestay); mua sắm, đầu tư các thiết bị, vật dụng khác phục vụ kinh doanh du lịch; đầu tư phát triển nghề truyền thống, phát triển sản phẩm nông nghiệp phục vụ du lịch;

c) Mức cho vay: Tối đa 500 triệu đồng/01 người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và không phải bảo đảm tiền vay theo quy định; tối đa 1.500 triệu đồng/hộ gia đình;

d) Thời hạn cho vay vốn: Tối đa là 60 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xem xét căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn;

đ) Lãi suất cho vay: Bằng 127% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 90% mức lãi suất vay đối với cá nhân thường trú tại xã thuộc khu vực III; hỗ trợ 70% mức lãi suất vay đối với cá nhân thường trú tại xã thuộc khu vực II; hỗ trợ 50% mức lãi suất vay đối với cá nhân thường trú tại xã thuộc khu vực I;

e) Điều kiện, trình tự thủ tục cho vay: Áp dụng quy định cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Chính sách hỗ trợ vay vốn đầu tư điểm du lịch

a) Đối tượng được hỗ trợ vay vốn: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là cơ sở);

b) Nội dung hỗ trợ vay vốn đầu tư: Đầu tư nâng cấp, cải tạo, hoàn thiện điểm du lịch đã được công nhận và đầu tư xây dựng điểm du lịch mới bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

c) Mức cho vay: Tối đa 2.500 triệu đồng/cơ sở, tối đa 500 triệu đồng/01 lao động;

d) Thời hạn vay vốn: Thời hạn cho vay tối đa là 60 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xem xét căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn;

đ) Lãi suất cho vay: Bằng 127% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 90% mức lãi suất vay đối với cơ sở có trụ sở chính tại xã thuộc khu vực III; hỗ trợ 70% mức lãi suất vay đối với cơ sở có trụ sở chính tại xã thuộc khu vực II; hỗ trợ 50% mức lãi suất vay đối với cơ sở có trụ sở chính tại xã thuộc khu vực I;

e) Điều kiện, trình tự, thủ tục cho vay: Áp dụng quy định cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm của Ngân hàng Chính sách xã hội;

g) Bảo đảm tiền vay: Cơ sở vay vốn trên 500 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Căn cứ Nghị quyết này, hằng năm Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đầu tư điểm du lịch và phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng. Ngân sách tỉnh bố trí tối thiểu 20.000 triệu đồng/năm ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thực hiện chính sách.

4. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất cho vay. Ngân sách cấp tỉnh không hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay nợ quá hạn.

5. Xử lý rủi ro: Việc xử lý rủi ro đối với nguồn vốn vay được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Điều 6. Chính sách xây dựng điểm đón tiếp, cung cấp thông tin du lịch, kết hợp trưng bày, giới thiệu quà tặng lưu niệm, sản phẩm OCOP và đặc sản của địa phương

1. Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có các khu du lịch, điểm du lịch được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (không bao gồm các khu, điểm du lịch do doanh nghiệp đầu tư, xây dựng).

2. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Nội dung: Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa điểm đón tiếp, cung cấp thông tin du lịch gắn với ứng dụng công nghệ số, phát triển du lịch thông minh, kết hợp trưng bày, giới thiệu, quà tặng lưu niệm, sản phẩm OCOP và đặc sản của địa phương và các công trình phụ trợ (cổng, hàng rào, sân, nhà vệ sinh công cộng, bãi đỗ xe,...);

b) Mức hỗ trợ: 100% giá trị tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 15.000 triệu đồng/điểm đón tiếp, trưng bày, cung cấp thông tin du lịch/01 khu du lịch, điểm du lịch.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Xây dựng công trình có thiết kế phù hợp, thể hiện bản sắc văn hóa địa phương; bố trí các khu chức năng chính: Đón tiếp, cung cấp thông tin du lịch kết hợp trưng bày, giới thiệu, bán quà tặng lưu niệm, sản phẩm OCOP và đặc sản của địa phương, vị trí thuận tiện, quy mô hài hòa với khu vực xung quanh;

b) Việc xây dựng mới phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chí theo quy định.

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nội bộ, đường giao thông kết nối

1. Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có các khu du lịch, điểm du lịch được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (không bao gồm các khu, điểm du lịch do doanh nghiệp đầu tư, xây dựng).

2. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Nội dung: Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nội bộ tại khu du lịch, điểm du lịch; đường giao thông kết nối các điểm tham quan, trải nghiệm tại khu du lịch, điểm du lịch; đường giao thông kết nối với đường giao thông chính chưa xây dựng hoặc nhỏ hẹp, xuống cấp, hư hỏng;

b) Mức hỗ trợ: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 90% giá trị tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với xã thuộc khu vực III; hỗ trợ 85% giá trị tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với xã thuộc khu vực II; hỗ trợ 80% giá trị tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với xã thuộc khu vực I. Tối đa 15.000 triệu đồng/01 khu du lịch, điểm du lịch.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ đầu tư mua sắm thiết bị bảo vệ môi trường, phát triển du lịch xanh tại điểm du lịch cộng đồng

1. Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khu du lịch, điểm du lịch được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (không bao gồm các khu du lịch, điểm du lịch do doanh nghiệp đầu tư, xây dựng).

2. Nội dung, mức hỗ trợ

Mua sắm mới, bổ sung các trang thiết bị, các hạng mục phục vụ cho việc thu gom, xử lý rác thải, bảo hộ lao động, cải tạo cảnh quan môi trường,... góp phần phát triển du lịch xanh, bảo vệ cảnh quan và môi trường tại các khu du lịch, điểm du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/khu du lịch, điểm du lịch/trong giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 9. Chính sách hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Người lao động đang làm việc trong lĩnh vực du lịch, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh du lịch, thành viên Hiệp hội Du lịch tỉnh;

b) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có lao động tham gia tập huấn, bồi dưỡng theo quy định.

2. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch, kiến thức, kỹ năng về phát triển du lịch xanh, du lịch thông minh, du lịch trải nghiệm bao gồm các chi phí: Thuê hội trường, thiết bị; thù lao giảng viên, trợ giảng; tài liệu học tập; ăn, nghỉ, đi lại của giảng viên, cán bộ quản lý lớp và các khoản chi liên quan theo quy định. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/lớp, tối đa 10 lớp/năm. Các mức chi được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Các lớp tập huấn, bồi dưỡng phải bảo đảm yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện nhân lực trong hoạt động du lịch; mỗi lớp có tối thiểu 30 học viên; thời gian tập huấn, bồi dưỡng phù hợp với từng chương trình, nội dung tập huấn, bồi dưỡng;

b) Người tham gia khóa tập huấn, bồi dưỡng được cấp giấy chứng nhận hoàn thành lớp tập huấn, bồi dưỡng hoặc chứng chỉ theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch

1. Đối tượng hỗ trợ: Hiệp hội Du lịch tỉnh; Hội Chè tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khu du lịch, điểm du lịch được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận.

2. Nội dung hỗ trợ: Xây dựng bộ công cụ quảng bá lưu động; in ấn bộ nhận diện thương hiệu quảng bá du lịch; xây dựng video clip quảng bá; xây dựng và ứng dụng các sản phẩm, nền tảng, công cụ số phục vụ quảng bá, cung cấp thông tin du lịch và phát triển du lịch thông minh; cảm nang du lịch; tổ chức các sản phẩm chương trình kích cầu du lịch.

3. Mức hỗ trợ: Tối đa 100 triệu đồng/hoạt động; tối đa 10 hoạt động/năm.

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc triển khai các nội dung sau:

1. Bảo đảm chính sách của Nghị quyết được thực hiện hiệu quả, phát triển du lịch bền vững; hằng năm theo dõi, đánh giá tác động của chính sách để đề xuất điều chỉnh cho phù hợp.

2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến công khai nội dung cho vay, tập huấn nghiệp vụ đối với các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ tiết kiệm và vay vốn. Đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp để triển khai thực hiện. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổng hợp số liệu hỗ trợ lãi suất gửi Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển ngân sách hỗ trợ lãi suất cho các hộ vay vốn. Hằng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của các đối tượng thụ hưởng.

3. Hằng năm, Hiệp hội Du lịch tỉnh, Hội Chè tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Quy định này, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Sở Tài chính thẩm định về dự toán kinh phí và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.